

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 5 - 2021

V/v tranh chấp yêu cầu không công
nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước

Ông Phan Văn Tạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 và ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2020/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Việt Ph, sinh năm 19xx (có mặt)

Địa chỉ: Số T/A đường C, Khóm C1, Phường C2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Loan, sinh năm 19xx (vắng mặt)

Địa chỉ: Số T1 đường C, Khóm C1, Phường C2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2020 của nguyên đơn là ông

Huỳnh Việt Ph và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn là ông Huỳnh Việt Ph và bị đơn là bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau vào năm 2003, trên cơ sở tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn và kể từ đó cho đến khi bà L mất tích, ông và bà L cũng không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ông và bà chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2010 bà L bỏ nhà đi từ đó cho đến nay, không liên lạc được, không biết bà L làm gì, ở đâu, còn sống hay đã chết. Ông Ph và những người thân của bà L đều không liên lạc được, cũng không biết bà L hiện còn sống hay ở địa chỉ cụ thể nào nên vào ngày 31 tháng 10 năm 2013, nguyên đơn Ph có làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tuyên bố bà Nguyễn Thị L, sinh năm 19xx, nơi cư trú cuối cùng là tại số T1 đường C, Khóm C1, Phường C2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng đã mất tích.

Vụ việc đã được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng giải quyết tại Quyết định số 21/2014/QĐST-VDS ngày 18/8/2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ph và tuyên bố bị đơn Nguyễn Thị L, sinh năm 19xx, nơi cư trú cuối cùng tại số T1 đường C, Khóm C1, Phường C2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng đã mất tích và quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn Huỳnh Việt Ph yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Huỳnh Việt Ph yêu cầu không công nhận ông và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa ông và bà L có 02 (hai) người con chung tên Huỳnh Anh T, (nam, sinh ngày 21 tháng 12 năm 20xx) và Huỳnh Anh Th, (nữ, sinh ngày 08 tháng 3 năm 20xx). Từ khi bị đơn L bỏ đi cho đến nay cháu T và cháu Th đều sống cùng với ông Ph. Nay ông yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và cháu Th đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu bị đơn L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, ông Huỳnh Việt Ph đã nộp bản chính các Tờ khai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NM ngày 27 tháng 02 năm 2003 và Tờ khai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT ngày 13 tháng 3 năm 2003; Quyết định số 21/2014/QĐST-VDS ngày 18/8/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng và Giấy khai sinh của cháu Huỳnh Anh T và cháu Huỳnh Anh Th; Bản sao y công chứng một sổ hộ khẩu gia đình có tên chủ hộ là Nguyễn Thị L.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị L: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của nguyên đơn Ph tại Thông báo thụ lý vụ án số: 337/TB-TLVA, ngày 31 tháng 12 năm 2020 và đã tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị L, cũng như đã triệu tập hợp lệ bà L đến dự phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà. Nhưng bà không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Ph và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà L cũng đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn Huỳnh Việt Ph thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn Nguyễn Thị L không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ph, về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Nguyễn Thị L và yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là cháu T và cháu Th đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bị đơn L cấp dưỡng nuôi con, là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, còn về tài sản chung và nợ chung ông Ph tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 09 tháng 12 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Việt Ph lập ngày 20 tháng 11 năm 2020 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn Ph nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn Ph và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 20 tháng 11 năm 2020, nguyên đơn Ph yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bị đơn Nguyễn Thị L, sinh năm 19xx có nơi cư trú cuối cùng tại số T1 đường C, Khóm C1, Phường C2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Nguyễn Thị L vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn Ph yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn L. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn L theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án:

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Huỳnh Việt Ph trình bày về quan hệ hôn nhân và con cái giữa các đương sự như sau nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, vào ngày 27 tháng 02 năm 2003 ông bà đến Ủy ban nhân dân xã NM nhưng mới ghi vào Tờ khai đăng ký kết hôn gửi Ủy ban nhân dân xã NM, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 27 tháng 02 năm 2003 ông bà cũng đi làm Tờ khai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện LM, tỉnh Cần Thơ (nay là thị xã LM, tỉnh Hậu Giang) nhưng cả hai ông bà đều chưa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Đến tháng 6 năm 2010 bà L đã bỏ đi và từ đó đến nay ông bà cũng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào. Trong quá trình chung sống ông bà có chung với nhau hai người con chung là cháu Huỳnh Anh T (nam, sinh ngày 21 tháng 12 năm 20XX) và cháu Huỳnh Anh Th (nữ, sinh ngày 08 tháng 3 năm 20XX). Lời trình bày nêu trên của nguyên đơn Ph phù hợp với Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã NM, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện LM, tỉnh Hậu Giang vào ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án, cũng như giấy khai sinh của cháu T và cháu Th mà nguyên đơn Ph đã cung cấp cho Tòa án và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy, theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*” nên Hội đồng xét xử xác định các tình tiết này là sự thật.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Việt Ph: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện vào ngày 27 tháng 02 năm 2003 (dương lịch) và ngày 13 tháng 3 năm 2003 (dương lịch) ông Ph và bà L có đến Ủy ban nhân dân xã NM và Ủy ban nhân dân xã LT để làm Tờ khai đăng ký kết hôn.

Nhưng sau khi làm xong Tờ khai đăng ký kết hôn nêu trên thì ông và bà vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đến tháng 6 năm 2010 bị đơn L bỏ nhà đi nguyên đơn và những người thân của bà L đều không liên lạc được, cũng không biết bà L hiện còn sống hay ở địa chỉ cụ thể nào vào ngày 31 tháng 10 năm 2013, nguyên đơn Ph đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng tuyên bố bị đơn L đã mất tích và tại Quyết định số 21/2014/QĐST -VDS, ngày 18/8/2014 tuyên bố bà Nguyễn Thị L, sinh năm 19xx nơi cư trú cuối cùng tại số T1 đường C, Khóm C1, Phường C2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng đã mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Nhận thấy, từ khi tổ chức lễ cưới cho đến khi bà L bị tuyên bố mất tích thì ông Huỳnh Việt Ph và bà Nguyễn Thị L có đủ điều kiện kết hôn theo Khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nhưng đến nay ông và bà vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn.

Tại Điều 14 Luật này quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng” nên việc ông Ph yêu cầu không công nhận quan hệ giữa ông và bà L là vợ chồng là có căn cứ.

[6] Do quan hệ giữa ông Huỳnh Việt Ph và bà Nguyễn Thị L không được công nhận là vợ chồng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết vấn đề mức độ và nguyên nhân mâu thuẫn trong thời gian chung sống theo yêu cầu của ông Ph.

[7] Về con chung: Xét yêu cầu của ông Huỳnh Việt Ph xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Anh Th, (nam, sinh ngày 21/12/20xx) và Huỳnh Anh Th, (nữ, sinh ngày 08/3/20xx) đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy, Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Nhận thấy, từ khi bà L mất tích cho đến nay thì cháu T và cháu Th đều do ông Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng về tâm lý phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu T và cháu Th thì các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông Ph. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Ph giao cháu T và cháu Th cho ông Ph được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T và cháu Th đủ 18 tuổi.

Bị đơn Nguyễn Thị L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở bà L thực hiện quyền này, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”. Đáng lẽ ra, bà L là người không trực tiếp nuôi các con thì phải có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con, nhưng tại phiên tòa ông Ph trình bày hiện tại ông có việc làm ổn định, thu nhập mỗi tháng là 10.000.000 đồng/tháng, từ khi bà L mất tích cho đến nay, ông luôn chăm sóc tốt về mọi mặt cho các con và ông Ph không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi các con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn Huỳnh Việt Ph tự khai không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[10] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Việt Ph và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[11] Về án phí: Nguyên đơn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 8 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 14, Điều 81, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Việt Ph:

1.1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Việt Ph và bà Nguyễn Thị L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Huỳnh Anh Th (nam, sinh ngày 21 tháng 12 năm 20xx) và Huỳnh Anh Th (nữ, sinh ngày 08 tháng 3 năm 20xx) hiện đang sống chung với ông Ph cho ông Huỳnh Việt Ph trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T và cháu Th đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề này ra để xem xét.

2.3. Bà Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở bà L thực hiện quyền này, theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Huỳnh Việt Ph tự khai, không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Huỳnh Việt Ph phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0004932, ngày 16/12/2020, nguyên đơn Ph đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn Huỳnh Việt Ph có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Nguyễn Thị L thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND phường T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ

